CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited
Địa chỉ : Phòng 3203, nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

Thành viên hãng *AGN* International / Member Firm of ***AGN*** International
Kiểm toán/*Audit* . ***Kế toán***/*Accounting* . ***Tư vấn thuế***/*Tax Consulting* . ***Tài chính***/*Finance*

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Hà Nội, tháng 3 năm 2014

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên) (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Bà Nguyễn Thị Duyên	Chủ tịch
Ông Đặng Kim Khôi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Kim Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Trần Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lâm Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thân Hồng Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Khanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yêu cầu được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.

M.S.D.N: 0100105278 - C.T.T.N.H.H
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM
ĐỐNG ĐA - TP. HÀ

Đặng Kim Khôi
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited
Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3664/2014/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2014, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0101177123 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**289.090.365.829**	**284.739.472.626**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**25.595.075.616**	**101.307.455.112**
1.Tiền	111		20.844.941.441	23.714.077.612
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.750.134.175	77.593.377.500
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2**	**189.959.181.476**	**104.996.181.476**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		189.959.181.476	104.996.181.476
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**26.406.212.192**	**23.115.445.822**
1. Phải thu của khách hàng	131		25.098.554.878	18.860.263.007
2. Trả trước cho người bán	132		687.915.782	1.023.319.875
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	6.671.441.630	5.351.606.820
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.051.700.098)	(2.119.743.880)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**44.957.716.787**	**52.211.001.898**
1. Hàng tồn kho	141	V.4	44.957.716.787	52.211.001.898
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.172.179.758**	**3.109.388.318**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		278.699.883	218.695.520
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		233.282.244	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	1.660.197.631	2.890.692.798
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**113.459.641.454**	**117.272.153.014**
I. Tài sản cố định	**220**		**6.543.376.494**	**8.906.756.353**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	5.110.876.080	6.532.586.695
- Nguyên giá	*222*		*16.238.186.486*	*20.209.418.097*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(11.127.310.406)*	*(13.676.831.402)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.432.500.414	2.374.169.658
- Nguyên giá	*228*		*4.708.346.220*	*4.708.346.220*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(3.275.845.806)*	*(2.334.176.562)*
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**105.981.542.768**	**107.924.053.768**
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	75.039.459.708	75.039.459.708
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	33.357.748.960	33.357.748.960
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.10	(2.415.665.900)	(473.154.900)
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**934.722.192**	**441.342.893**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	674.665.392	417.342.893
2. Tài sản dài hạn khác	268		260.056.800	24.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**402.550.007.283**	**402.011.625.640**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**129.886.881.678**	**141.571.869.566**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**126.440.640.345**	**137.144.084.008**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	2.600.000.000	2.900.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		2.111.112.312	2.057.369.285
3. Người mua trả tiền trước	313		48.059.682.537	64.142.162.720
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	4.436.664.075	4.379.318.444
5. Phải trả người lao động	315		19.103.597.116	16.407.973.041
6. Chi phí phải trả	316	V.14	1.683.291.180	1.821.038.502
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	19.489.061.313	15.485.558.108
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		28.957.231.812	29.950.663.908
II. Nợ dài hạn	**330**		**3.446.241.333**	**4.427.785.558**
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332		3.446.241.333	4.427.785.558
B. NGUỒN VỐN	**400**		**272.663.125.605**	**260.439.756.074**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.16**	**272.663.125.605**	**260.438.592.549**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		88.059.895.644	88.059.895.644
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		53.715.502.901	46.348.348.003
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.933.790.097	3.797.147.482
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	12.753.723.582
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.768.796.443	23.829.190.327
7. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	58.229.337
8. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		94.185.140.520	85.592.058.174
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**1.163.525**
1. Nguồn kinh phí	432		-	1.163.525
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**402.550.007.283**	**402.011.625.640**

Đặng Kim Khôi	**Nguyễn Thị Đoan Trang**	**Phạm Vũ Thành**
Tổng Giám đốc	**Phó phòng TCKT**	**Người lập**
Ngày 31 tháng 03 năm 2014		

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	154.016.720.590	161.458.654.240
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(57.054.431.128)	(50.222.089.338)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(67.641.420.943)	(66.177.735.567)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(19.082.155)	(18.562.500)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(6.747.012.279)	(7.247.739.542)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	108.823.829.497	186.614.477.061
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(151.959.598.756)	(218.623.409.303)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(20.580.995.174)**	**5.783.595.051**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(236.950.001)	(323.552.725)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	170.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(247.386.181.476)	(382.341.056.476)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	162.423.181.476	280.559.325.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(14.214.450.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.198.565.679	22.226.223.852
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(54.831.384.322)**	**(94.093.510.349)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.400.000.000	3.700.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.700.000.000)	(1.670.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(300.000.000)**	**2.030.000.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(75.712.379.496)**	**(86.279.915.298)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**101.307.455.112**	**187.587.370.410**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**25.595.075.616**	**101.307.455.112**

Đặng Kim Khôi	Nguyễn Thị Đoan Trang	Phạm Vũ Thành
Tổng Giám đốc	**Phó phòng TCKT**	**Người lập**

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam là Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2010 của Bộ Xây dựng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 310.000.000.000 đồng. Theo Quyết định số 1292/QĐ-BXD ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam thì Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 234.890.826.464 đồng. Hiện tại Tổng Công ty đang hoàn thiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động bình quân trong năm 2013 của Tổng Công ty là 508 người.

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và các loại hình công trình khác bao gồm các dịch vụ:
- Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng;
- Thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn;
- Lập và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
- Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc;
- Lập định mức xây dựng, lập đơn giá xây dựng công trình;
- Kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng: Tổng mức đầu tư, dự toán công trình, định mức xây dựng, đơn giá xây dựng công trình, hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Tư vấn đấu thầu;
- Quản lý dự án xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị;
- Kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm đất, đá, nước, nền, các loại cọc móng công trình và vật liệu xây dựng;
- Khảo sát xây dựng công trình; khảo sát đo đạc; đo vẽ bản đồ địa hình; đo lún, đo độ nghiêng; đo độ dịch chuyển và định vị công trình;
- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Đánh giá tác động môi trường, điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng;
- Tư vấn thiết kế đường dây và trạm biến áp 220KV, hệ thống điện, âm thanh, thông tin, điện thoại, hệ thống điều khiển toàn nhà, hệ thống thông gió cấp nhiệt và điều hòa không khí, xử lý môi trường khí, khảo sát đo đạc hệ thống chống sét; hệ thống gas;
- Tư vấn thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ;
- Tư vấn thiết kế chống mối cho các công trình xây dựng;
- Thiết kế hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; xử lý nước thải, chất rắn;
- Tư vấn xây dựng các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

- Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000;
- Thiết kế trang trí nội, ngoại thất.
- Thi công xây lắp công trình; xử lý nền móng các công trình; thi công khai thác nước ngầm; thi công trang trí nội, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo các lĩnh vực tư vấn xây dựng;
- Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phát triển và triển khai công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch và kiến trúc xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và các loại hình công trình khác.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính . Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện vận tải	03
Thiết bị văn phòng	02

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm Autodesk và phần mềm kết cấu chuyên dụng trong tính toán và thiết kế nhà cao tầng (Etabs) có thời gian khấu hao 5 năm.

Các khoản đầu tư dài hạn

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và các loại hình công trình khác; ... và các doanh thu khác.

Doanh thu được ghi nhận căn cứ theo biên bản nghiệm thu thanh lý hoặc theo tiến độ thanh toán và yêu cầu xuất hóa đơn của chủ đầu tư.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	9.266.141.691	10.071.359.784
Tiền gửi ngân hàng	11.578.799.750	13.642.717.828
Các khoản tương đương tiền (*)	4.750.134.175	77.593.377.500
Cộng	**25.595.075.616**	**101.307.455.112**

(*) Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi Nhánh Cầu Giấy	3.200.000.000	15.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	1.217.677.500	52.616.677.500
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	-	8.623.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi Nhánh Hồ Chí Minh	332.456.675	853.700.000
Cộng	**4.750.134.175**	**77.593.377.500**

2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi Nhánh Cầu Giấy	22.400.000.000	3.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	9.523.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	158.036.181.476	101.896.181.476
Cộng	**189.959.181.476**	**104.996.181.476**

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	1.674.824.836	2.581.182.330
Tiền cổ tức phải thu	2.247.735.508	2.286.348.000
Phải thu cán bộ nhân viên	-	23.053.412
Bảo hiểm xã hội	26.799.518	177.709.504
Phải thu khác	2.722.081.768	283.313.574
Cộng	**6.671.441.630**	**5.351.606.820**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ, dụng cụ	-	8.713.636
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.957.716.787	52.202.288.262
Cộng	**44.957.716.787**	**52.211.001.898**

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	1.660.197.631	2.659.635.998
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	231.056.800
Cộng	**1.660.197.631**	**2.890.692.798**

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	7.029.114.131	3.055.508.859	4.717.597.796	5.407.197.311	20.209.418.097
Mua trong năm	-	-	-	298.672.592	298.672.592
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(454.532.743)	-	(454.532.743)
Giảm khác (*)	-	(302.435.523)	-	(3.512.935.937)	(3.815.371.460)
Tại ngày 31/12/2013	**7.029.114.131**	**2.753.073.336**	**4.263.065.053**	**2.192.933.966**	**16.238.186.486**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	2.513.697.269	1.597.228.452	4.516.322.761	5.049.582.920	13.676.831.402
Khấu hao trong năm	258.053.325	583.169.774	144.458.480	233.467.698	1.219.149.277
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(397.716.188)	-	(397.716.188)
Giảm khác (*)	-	(278.190.343)	-	(3.092.763.742)	(3.370.954.085)
Tại ngày 31/12/2013	**2.771.750.594**	**1.902.207.883**	**4.263.065.053**	**2.190.286.876**	**11.127.310.406**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	**4.515.416.862**	**1.458.280.407**	**201.275.035**	**357.614.391**	**6.532.586.695**
Tại ngày 31/12/2013	**4.257.363.537**	**850.865.453**	**-**	**2.647.090**	**5.110.876.080**

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 7.056.528.203 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 9.911.337.163).

(*) Giảm khác trong năm là điều chỉnh những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	4.708.346.220	4.708.346.220
Tại ngày 31/12/2013	**4.708.346.220**	**4.708.346.220**
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	2.334.176.562	2.334.176.562
Khấu hao trong năm	941.669.244	941.669.244
Tại ngày 31/12/2013	**3.275.845.806**	**3.275.845.806**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	**2.374.169.658**	**2.374.169.658**
Tại ngày 31/12/2013	**1.432.500.414**	**1.432.500.414**

8. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
CTCP Tư vấn xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	683.410	6.834.102.000	683.410	6.834.102.000
CTCP Tư vấn đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam - CDC (*)	448.800	2.499.000.000	448.800	2.499.000.000
CTCP Tin học và Tư vấn xây dựng - CIC	330.750	3.307.500.000	330.750	3.307.500.000
CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	1.122.000	11.220.000.000	1.122.000	11.220.000.000
CTCP Tư vấn Xây dựng tổng hợp - NAGECCO	1.377.000	13.770.000.000	1.377.000	13.770.000.000
CTCP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - VCC	918.000	9.180.000.000	918.000	9.180.000.000
CTCP Nước và môi trường Việt Nam - WIWASE	1.060.500	10.605.000.000	1.060.500	10.605.000.000
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng - INCOSAF	-	4.985.640.683	-	4.985.640.683
Công ty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng - USCO	-	12.638.217.025	-	12.638.217.025
Cộng	**5.940.460**	**75.039.459.708**	**5.940.460**	**75.039.459.708**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu/ tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
CTCP Tư vấn xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	Số 235, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	51,0%	Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng; khảo sát và giám sát công trình xây dựng; thi công và cung cấp vật tư thiết bị xây dựng.
CTCP Tư vấn đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam - CDC (*)	Số 37 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	51,0%	Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng; khảo sát địa hình và khảo sát địa chất đo đạc công trình xây dựng.
CTCP Tin học và Tư vấn xây dựng - CIC	Số 37 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	67,5%	Sản xuất, phát triển khai thác và cung cấp sản phẩm phần mềm và các dịch vụ CNTT, thương mại điện tử, dịch vụ GTGT trên mạng.
CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	Số 4, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội	51,0%	Lập dự án đầu tư xây dựng; thẩm định dự án; kiểm định xây dựng.
CTCP Tư vấn Xây dựng tổng hợp - NAGECCO	Số 29 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Hồ Chí Minh	51,0%	Thiết kế xây dựng; Khảo sát đo đạc địa hình xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng.
CTCP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - VCC	Số 10, Hoa Lư, Hai Bà Trưng, Hà Nội	51,0%	Tổng thầu tư vấn các dự án vốn đầu tư trong nước, nước ngoài tại VN; Quy hoạch xây dựng vùng; Lập, thẩm tra báo cáo đầu tư.
CTCP Nước và môi trường Việt Nam - WIWASE	Số 5, Đường Thành, Hoàn Kiếm, Hà Nội	50,5%	Tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát, thiết kế, quản lý dự án công trình cấp, thoát nước..;Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng - INCOSAF	Số 4, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội	100,0%	Kiểm định an toàn các máy, thiết bị, vật tư; Thực hiện các dịch vụ tư vấn an toàn lao động; Đào tạo sát hạch về an toàn lao động.
Công ty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng - USCO	Số 91 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	100,0%	Khảo sát địa chất công trình; Đo đạc thành lập bản đồ; Thí nghiệm mẫu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Cho vay dài hạn				
CTCP Tư vấn xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	-	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội SHB	57.489	812.340.000	57.489	812.340.000
Công ty CP Bất động sản LILAMA LAND	1.300.000	13.000.000.000	1.300.000	13.000.000.000
Công ty CP Địa ốc Tân Cảng	800.000	8.000.000.000	800.000	8.000.000.000
Công ty Tư vấn Công trình Châu Á Thái Bình Dương	-	545.408.960	-	545.408.960
Cộng	**2.157.489**	**33.357.748.960**	**2.157.489**	**33.357.748.960**

10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội SHB	(415.665.900)	(473.154.900)
Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA LAND	(1.500.000.000)	-
Công ty Cổ phần địa ốc Tân Cảng	(500.000.000)	-
Cộng	**(2.415.665.900)**	**(473.154.900)**

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	674.665.392	417.342.893
Cộng	**674.665.392**	**417.342.893**

12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay cá nhân	2.600.000.000	2.900.000.000
Cộng	**2.600.000.000**	**2.900.000.000**

Các khoản vay cá nhân có thời hạn vay dưới 1 năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.157.245.135	1.369.999.093
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.439.807.199	187.548.517
Thuế thu nhập cá nhân	839.611.741	2.175.026.637
Thuế khác	-	646.744.197
Cộng	**4.436.664.075**	**4.379.318.444**

14. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí dự án trích trước	1.554.511.041	1.444.271.686
Chi phí bảo hiểm công trình	128.780.139	376.766.816
	1.683.291.180	**1.821.038.502**

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	55.567.451	45.131.864
Các khoản phải trả khác	19.433.493.862	15.440.426.244
Cộng	**19.489.061.313**	**15.485.558.108**

16. Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 310.000.000.000 đồng. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013; tình hình góp vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**88.059.895.644**	**88.059.895.644**
Vốn góp của Nhà nước	88.059.895.644	88.059.895.644
Vốn khác của chủ sở hữu	**53.715.502.901**	**46.348.348.003**
Vốn bổ sung từ lợi nhuận	53.657.273.564	41.848.348.003
Vốn bổ sung từ nguồn vốn đầu tư XDCB	58.229.337	-
Vốn góp của công ty con vào Công ty Lilamaland	-	4.500.000.000
Cộng	**141.775.398.545**	**134.408.243.647**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Thay đổi trong Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2012	**86.282.935.125**	**33.747.018.866**	**56.869.081**	**3.797.147.482**	**9.914.744.556**	***28.378.904.914***	**58.229.337**	**83.438.095.361**	**245.673.944.722**
Vốn góp tăng trong năm	1.776.960.519	-	-	-	-	-	-	-	1.776.960.519
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	23.840.075.675	-	-	23.840.075.675
Phân phối quỹ	-	12.588.498.674	-	-	2.815.134.228	(28.151.342.283)	-	-	(12.747.709.381)
Tăng khác	-	12.830.463	-	-	23.844.798	(238.447.979)	-	2.869.722.090	2.667.949.372
Giảm khác	-	-	(56.869.081)	-	-	-	-	(715.759.277)	(772.628.358)
Số dư tại 31/12/2012	**88.059.895.644**	**46.348.348.003**	-	**3.797.147.482**	**12.753.723.582**	**23.829.190.327**	**58.229.337**	**85.592.058.174**	**260.438.592.549**
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	26.353.973.171	-	-	26.353.973.171
Trả về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-	-	-	(8.593.082.346)	-	8.593.082.346	
Phân phối lợi nhuận năm 2012(*)		11.808.925.561	-	-	2.382.919.033,00	(23.829.190.327)	-	-	(9.637.345.733)
Tăng khác (**)	-	58.229.337	-	15.136.642.615	(15.136.642.615)	7.905.618	(58.229.337)	-	7.905.618
Giảm khác (***)	-	(4.500.000.000)	-	-	-		-	-	(4.500.000.000)
Số dư tại 31/12/2013	**88.059.895.644**	**53.715.502.901**	-	**18.933.790.097**	-	**17.768.796.443**	-	**94.185.140.520**	**272.663.125.605**

(*) Việc phân phối quỹ trong năm được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 19 tháng 09 năm 2010 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

(**) Tăng khác trong năm 2013 là việc thực hiện điều chỉnh các quỹ theo quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

(***) Phần vốn của các công ty con (CTCP Tư vấn công nghệ thiết bị & Kiểm định xây dựng, CTCP Tư vấn đầu tư & Thiết kế XDVN, CTCP Tư vấn XD tổng hợp, CTCP Nước & Môi trường VN, CTCP Tư vấn XD công trình VLXD, CT TNHH Nhà nước MTV Khảo sát & XD) đầu tư vào CTCP Bất động sản Lilama Land.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾTQUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	157.735.942.229	148.874.241.914
Cộng	**157.735.942.229**	**148.874.241.914**
Các khoản giảm trừ	**5.909.091**	-
- Giảm giá hàng bán	5.909.091	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**157.730.033.138**	**148.874.241.914**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	133.318.149.862	126.254.358.611
Cộng	**133.318.149.862**	**126.254.358.611**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.256.388.050	21.360.587.044
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư vào công ty con	10.983.065.137	8.425.643.170
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.303.237	58.797.251
Doanh thu tài chính khác	263.266.655	313.920.000
Cộng	**30.509.023.079**	**30.158.947.465**

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	64.093.401	18.562.500
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	1.946.106.005	473.154.900
Cộng	**2.010.199.406**	**491.717.400**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾTQUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**32.224.404.947**	**28.958.765.613**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	10.983.065.137	8.484.440.421
- Lợi nhuận của công ty con, liên kết, lãi trái	*10.983.065.137*	*8.425.643.170*
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	*58.797.251*
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	2.240.387.294	434.558
- Các khoản phạt nộp thuế	*240.387.294*	*434.558*
- Chi phí dự phòng không được trừ	*2.000.000.000*	-
Thu nhập chịu thuế	**23.481.727.104**	**20.474.759.750**
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	**5.870.431.776**	**5.118.689.938**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**5.870.431.776**	**5.118.689.938**

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.595.075.616	101.307.455.112
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.718.296.410	22.092.125.947
Đầu tư ngắn hạn	189.959.181.476	104.996.181.476
Đầu tư dài hạn	30.942.083.060	32.884.594.060
Cộng	**272.214.636.562**	**261.280.356.595**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	2.600.000.000	2.900.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	21.600.173.625	17.542.927.393
Chi phí phải trả	1.683.291.180	1.821.038.502
Cộng	**25.883.464.805**	**22.263.965.895**

Tổng Công ty chưa thực hiện công tác đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ ít, theo đó, Tổng Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty phát sinh các khoản vay ít, vì vậy Tổng Công ty chịu ít rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay đã được ký kết.

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động vốn ngân sách nhà nước và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà

Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

Tại 31/12/2013	**Dưới 1 năm VND**	**Từ 1- 5 năm VND**	**Tổng VND**
Phải trả người bán và phải trả khác	21.600.173.625	-	21.600.173.625
Chi phí phải trả	1.683.291.180	-	1.683.291.180
Các khoản vay	2.600.000.000	-	2.600.000.000
Cộng	**25.883.464.805**	**-**	**25.883.464.805**

Tại 01/01/2013	**Dưới 1 năm VND**	**Từ 1- 5 năm VND**	**Tổng VND**
Phải trả người bán và phải trả khác	17.542.927.393	-	17.542.927.393
Chi phí phải trả	1.821.038.502	-	1.821.038.502
Các khoản vay	2.900.000.000	-	2.900.000.000
Cộng	**22.263.965.895**	**-**	**22.263.965.895**

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.595.075.616	-	25.595.075.616
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.718.296.410	-	25.718.296.410
Đầu tư ngắn hạn	189.959.181.476	-	189.959.181.476
Đầu tư dài hạn	-	30.942.083.060	30.942.083.060
Cộng	**241.272.553.502**	**30.942.083.060**	**272.214.636.562**

Tại 01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.307.455.112	-	101.307.455.112
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.092.125.947	-	22.092.125.947
Đầu tư ngắn hạn	104.996.181.476	-	104.996.181.476
Đầu tư dài hạn	-	32.884.594.060	32.884.594.060
Cộng	**228.395.762.535**	**32.884.594.060**	**261.280.356.595**

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tiền cổ tức được chia		
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	1.494.504.000	1.889.448.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam - CDC	578.072.985	673.200.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng tổng hợp - Nagecco	1.652.400.000	1.652.400.000
Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương - Apeco	400.050.000	371.415.600
Công ty CP Tin học và Tư vấn xây dựng - CIC	330.640.000	396.900.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - VCC	1.109.853.014	1.533.379.570
Công ty CP nước và Môi trường Việt Nam - Viwase	2.969.400.000	1.908.900.000
Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng - Incosaf	531.109.630	-
Công ty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng USCO	1.917.035.508	-
Cộng	**10.983.065.137**	**8.425.643.170**
Thu tiền quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	-	32.661.622
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam -CDC	-	72.184.172
Công ty CP Tin học và Tư vấn Xây dựng - CIC	-	90.705.009
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	-	739.676.151
Công ty CP Tư vấn Xây dựng tổng hợp - Nagecco	-	534.028.618
Công ty CP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - VCC	-	230.133.369
Công ty CP nước và Môi trường Việt Nam - Viwase	-	478.729.154
Cộng	-	2.178.118.095
Thanh toán tiền lãi vay vốn		
CTCP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu XD	753.050.000	469.333.332
Cộng	**753.050.000**	**469.333.332**

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải thu		
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	568.739.000	130.339.000
Công ty CP Tin học và Tư vấn Xây dựng - CIC	348.700.000	414.900.000
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	39.000.000	1.889.448.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng tổng hợp - Nagecco	-	9.600.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - VCC	4.000.000	4.000.000
Công ty CP nước và Môi trường Việt Nam - Viwase	2.000.000	-
Công ty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng USCO	1.917.035.508	-
Cộng	**2.879.474.508**	**2.448.287.000**
Các khoản phải trả		
Công ty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng USCO	750.000.000	65.000.000
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	750.000.000	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam - CDC	750.000.000	-
Công ty CP nước và Môi trường Việt Nam - Viwase	750.000.000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng tổng hợp - Nagecco	750.000.000	-
CTCP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	750.000.000	-
Cộng	**4.500.000.000**	**65.000.000**
Cho vay vốn		
CTCP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu XD	11.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	**11.000.000.000**	**11.000.000.000**

Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc

	Năm 2013 VND
Lương và thù lao	4.474.976.841
Cộng	**4.474.976.841**

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Đặng Kim Khôi **Tổng Giám đốc** *Ngày 31 tháng 03 năm 2014*	**Nguyễn Thị Đoan Trang** **Phó phòng TCKT**	**Phạm Vũ Thành** **Người lập**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Chi nhánh tại Hải Phòng:
Số 4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
Tel: 031.3 797 268 | Fax: 031.3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:
No 4. Nguyen Trai street, May To ward,
Ngo Quyen district, Hai Phong City
Tel: (84) 31.3 797 268 | Fax: (84) 31. 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh:
Lầu 5, tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn,
Phường 4, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.
Tel: 08.3 547 2323 | Fax: 08.3 547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:
5th Floor, Hai Au TIC Building, 39B Truong Son,
4 ward, Tan Binh district, Ho Chi Minh City.
Tel: (84) 8 3 547 2323 | Fax: (84) 8 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Văn phòng đại diện tại Hải Dương:
Số 95 Đỗ Ngọc Du, Phường Thanh Bình,
TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.
Tel:0320.3 897 031 | Fax: 0320.3 897 035
Email: ifchaiduong@ifcvietnam.com.vn

Representative office in Hai Duong:
No 95. Do Ngoc Du street, Thanh Binh ward,
Hai Duong city, Hai Duong province.
Tel: (84) 320 3 897 031 | Fax: (84) 320 3 897 035
Email: ifchaiduong@ifcvietnam.com.vn

• **www.ifcvietnam.com.vn**